Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6210

Mã HS	6210
Mô tả hàng hóa	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07
Đơn vị	
Thời điểm tạo	12/11/2026 05:12:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/6210/

17 dòng thuế thuộc 6210

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
6210.10.11	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03: / - - Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: / - - - Quần áo chống các chất hóa học, phóng xạ hoặc chống cháy (SEN)	kg/chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.10.19	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03: / - - Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: / - - - Loại khác	kg/chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.10.90	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03: / - - Loại khác	kg/chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.20.20	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.01: / - - Quần áo chống cháy (SEN)	chiếc/bộ	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.20.30	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.01: / - - Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ	chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.20.40	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.01: / - - Quần áo bảo hộ khác	chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
6210.20.90	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.01: / - - Loại khác	chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.30.20	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.02: / - - Quần áo chống cháy (SEN)	chiếc/bộ	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.30.30	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.02: / - - Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ	chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.30.40	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.02: / - - Quần áo bảo hộ khác	chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.30.90	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.02: / - - Loại khác	chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.40.10	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai: / - - Quần áo chống cháy (SEN)	kg/chiếc/bộ	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.40.20	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai: / - - Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ	kg/chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.40.90	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai: / - - Loại khác	kg/chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.50.10	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái: / - - Quần áo chống cháy (SEN)	kg/chiếc/bộ	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
6210.50.20	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái: / - - Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ	kg/chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
6210.50.90	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07 / - Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái: / - - Loại khác	kg/chiếc/bộ	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.